

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 4 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Trung Tuyền và ông Lê Đăng Thiện.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1995, số CCCD: 038195038.....

Nơi ĐKKHKT: thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1990, số CCCD: 038090.....72.

Địa chỉ: thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08 tháng 12 năm 2025, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Trọng T1 kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 02/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại khu công nghiệp T C cho đến cuối năm 2021 vì dịch bệnh nên vợ chồng đã về quê sinh sống cùng với bố mẹ chồng. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị hạnh phúc được khoảng 6 năm, đến đầu năm 2022 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 vay nhiều tiền không cho chị biết, nghe lời bố và chị

chồng; không tin tưởng, tôn trọng và chửi bới, đánh đập chị. Những lần vợ chồng cãi vã, không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Do đó, chị đã làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án. Tại tòa, chị suy nghĩ thương con nên vợ chồng hàn gắn để chung sống. Sau một thời gian quay lại chung sống, vợ chồng tiếp tục có mâu thuẫn. Chị T về nhà ngoại ở từ tháng 10/2025 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung, cháu Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 17/10/2015, cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2020 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 31/7/2024. Hiện nay, cháu Q và cháu Á đang ở với anh T1, cháu V ở với chị. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu V, anh T1 nuôi cháu Q và cháu Á. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2026, bị đơn là anh Nguyễn Trọng T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/7/2015 tại UBND xã Q, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống và làm việc tại C Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2021 do dịch bệnh nên về chung sống cùng bố mẹ. Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng do tính tình của vợ không muốn sống chung với anh nữa nên chị T đã làm đơn ly hôn. Sau khi làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án, chị T lại rút đơn về đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian chị T lại tiếp tục làm đơn ly hôn. Nay, quan điểm của anh là không bỏ vợ con vì anh là người công giáo, chị T cố tình xin ly hôn thì Tòa án căn cứ theo quy định giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung, cháu Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 17/10/2015, cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2020 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 31/7/2024. Hiện nay, cháu Q và cháu Á đang ở với anh, cháu V ở với chị T. Anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc cháu Q và cháu Á, chị T trực tiếp chăm sóc nuôi cháu V.

Về tài sản và nợ chung, vợ chồng anh tự giải quyết.

Tại tòa, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Trọng T1 vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét

xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trọng T1; về con chung: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng T1 có 03 con chung, cháu Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 17/10/2015, cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2020 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 31/7/2024. Giao chị T trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Tường V; anh T1 trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Trọng Q và cháu Nguyễn Ngọc Á. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T, anh T1 có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con; Về tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp; về quyền kháng cáo: chị T, anh T1 được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trọng T1 là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Lê Thị T đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thanh Hóa giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị T đã có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa; bị đơn anh Nguyễn Trọng T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/7/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên chị T đã về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1; anh T1 không bỏ vợ con vì anh là người công giáo, chị T cố tình xin ly hôn thì Tòa án căn cứ theo quy định giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh T1 đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và tổ chức phiên hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trọng T1.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng T1 có 03 con chung, cháu Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 17/10/2015, cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2020 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 31/7/2024. Hiện nay, cháu V đang ở với chị T, cháu Q và cháu Á ở với anh T1. Chị T và anh T1 đều thống nhất trình bày, chị T trực tiếp chăm sóc cháu V, anh T1 trực tiếp chăm sóc cháu Q và cháu Á.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng về việc nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay cháu V đang ở với chị T, cháu Q và cháu Á đang ở với anh T1. Các đương sự đều thống nhất quan điểm về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, giao chị T trực tiếp chăm sóc nuôi cháu Nguyễn Tường V, anh T1 trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Trọng Q và cháu Nguyễn Ngọc Á là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều thể hiện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T là người khởi kiện, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trọng T1.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng T1 có 03 con chung, cháu Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 17/10/2015, cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2020 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 31/7/2024. Giao chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V; anh T1 trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Trọng Q và cháu Nguyễn Ngọc Á. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T, anh T1 có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số: 0000040 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa